

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN MIỀN TRUNG**  
**TRỤ SỞ CHÍNH ĐẮK LẮK**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đắk Lắk, tháng 03 năm 2016

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 33

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc của Trụ sở chính Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung tại Đắk Lắk ("Trụ sở chính") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Trụ sở chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Trụ sở chính trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Huỳnh Văn Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Võ Thành Điền	Giám đốc kinh doanh

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc của Trụ sở chính chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Trụ sở chính chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Trụ sở chính ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Trụ sở chính và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Trụ sở chính đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Huỳnh Văn Dũng  
Tổng Giám đốc

Đắk Lắk, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Số: 27/2016/BCKT-AVI-TC1

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Trụ sở chính Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung tại Đắk Lắk (gọi tắt là “Trụ sở chính”) được lập ngày 10/03/2016 và được trình bày từ trang số 05 đến trang số 33 bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Trụ sở chính chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Trụ sở chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Trụ sở chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Trụ sở chính liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Trụ sở chính Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung tại Đắk Lắk tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập trình bày báo cáo tài chính.

### Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số 35 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính trong đó mô tả sự không chắc chắn về việc liệu Trụ sở chính có được miễn khoản phạt chậm nộp thuế tiêu thụ đặc biệt năm 2011 và 2012 theo công văn số 2326/UBND-TH ngày 26/07/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (trong giai đoạn văn phòng chính Công ty đặt tại khu công nghiệp Phú Tài - TP. Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định) với số tiền 5.047.180.366 đồng hay không. Hiện tại, Hồ sơ đã được Văn phòng Chính phủ giao cho Bộ Tài chính làm rõ các nguyên nhân để trình Thủ tướng xem xét quyết định. Hiện tại Trụ sở chính đang đợi quyết định cuối cùng của Thủ tướng Chính phủ về số tiền chậm nộp thuế tiêu thụ đặc biệt nêu trên. Áp dụng nguyên tắc thận trọng của kế toán trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính năm 2015, Trụ sở chính đã thực hiện lập dự phòng với tỷ lệ 100% cho nghĩa vụ nợ phải trả chưa chắc chắn trong tương lai với số tiền 5.047.180.366 đồng. Việc trích lập chi phí dự phòng nợ phải trả này không ảnh hưởng đến nghĩa vụ thuế hiện tại của Trụ sở chính.



**Vũ Bình Minh**

**Phó Tổng giám đốc**

Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán 0034-2015-055-1

**Bùi Quốc Trung**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán 1937-2015-055-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**

*Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 01 - DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>91.302.662.811</b>	<b>86.714.519.018</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>7.730.182.987</b>	<b>1.855.874.039</b>
1. Tiền	111	5	7.730.182.987	1.855.874.039
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>34.168.611.031</b>	<b>37.071.612.269</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	24.734.669.135	22.282.674.230
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.458.182.259	1.757.752.850
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		8.574.269.203	13.576.541.348
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	361.642.560	418.304.569
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(960.152.126)	(963.660.728)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>48.840.180.501</b>	<b>46.668.779.519</b>
1. Hàng tồn kho	141	9	48.840.180.501	46.668.779.519
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>563.688.292</b>	<b>1.118.253.191</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	556.084.959	1.067.096.949
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	7.603.333	51.156.242
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>507.775.079.502</b>	<b>551.553.226.915</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>165.462.730.365</b>	<b>165.462.730.365</b>
1. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	11	165.462.730.365	165.462.730.365
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>311.304.066.635</b>	<b>357.033.784.002</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	310.601.666.630	356.230.184.001
- Nguyên giá	222		660.832.600.497	656.070.905.997
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(350.230.933.867)	(299.840.721.996)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	702.400.005	803.600.001
- Nguyên giá	228		1.114.838.954	1.114.838.954
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(412.438.949)	(311.238.953)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>15</b>	<b>3.642.337.435</b>	<b>3.726.592.159</b>
- Nguyên giá	231		4.295.311.551	4.295.311.551
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(652.974.116)	(568.719.392)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>277.260.000</b>	<b>-</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		277.260.000	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>975.860.000</b>	<b>975.860.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		975.860.000	975.860.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>26.112.825.067</b>	<b>24.354.260.389</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	22.025.707.864	23.078.565.474
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	4.087.117.203	1.275.694.915
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>599.077.742.313</b>	<b>638.267.745.933</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01 - DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>190.549.080.664</b>	<b>246.792.173.262</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>144.161.635.348</b>	<b>152.577.050.437</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	19.422.123.086	32.497.158.118
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.383.968	48.057.084
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	33.058.434.304	29.642.777.668
4. Phải trả người lao động	314		5.069.375.409	4.743.226.843
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	3.064.529.178	4.093.910.905
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		13.908.431.605	8.646.052.450
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	6.710.587.012	5.123.026.710
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	62.798.624.000	66.617.624.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	128.146.786	1.165.216.659
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>46.387.445.316</b>	<b>94.215.122.825</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	39.720.256.200	92.482.880.200
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	6.667.189.116	1.732.242.625
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>408.528.661.649</b>	<b>391.475.572.671</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>408.528.661.649</b>	<b>391.475.572.671</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		298.466.480.000	298.466.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		298.466.480.000	298.466.480.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		29.560.288.439	22.989.946.123
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		80.501.893.210	70.019.146.548
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	421a		739.718.604	4.315.723.395
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		79.762.174.606	65.703.423.153
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>599.077.742.313</b>	<b>638.267.745.933</b>

Đắk Lắk, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Người lập



Trần Thị Thanh Phúc

Kế toán trưởng



Vũ Tuấn Anh

Tổng Giám đốc




Huỳnh Văn Dũng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 02 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	350.802.694.012	350.367.207.514
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	428.614.328	218.361.296
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		350.374.079.684	350.148.846.218
4. Giá vốn hàng bán	11	26	267.474.310.519	271.882.998.755
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		82.899.769.165	78.265.847.463
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	154.673.340	153.176.035
7. Chi phí tài chính	22	28	10.844.423.592	17.469.876.371
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.435.554.226	16.978.369.758
8. Chi phí bán hàng	25	29	7.282.399.561	6.632.997.260
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	23.198.529.299	19.004.947.020
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		41.729.090.053	35.311.202.847
11. Thu nhập khác	31	31	6.585.443.851	8.633.762.407
12. Chi phí khác	32	32	5.746.513.308	6.223.647.673
13. Lợi nhuận khác	40		838.930.543	2.410.114.734
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		42.568.020.596	37.721.317.581
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		25.735.133.542	20.040.903.359
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(2.811.422.288)	(1.275.694.915)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		19.644.309.342	18.956.109.137

Đã lập, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Người lập



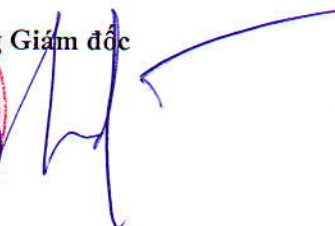
Trần Thị Thanh Phúc

Kế toán trưởng



Vũ Tuấn Anh

Tổng Giám đốc

Huỳnh Văn Dũng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 03 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	42.568.020.596	37.721.317.581
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	50.870.648.562	50.724.382.561
- Các khoản dự phòng	03	3.004.773	105.611.925
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	274.178
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(174.492.162)	(150.323.007)
- Chi phí lãi vay	06	10.843.001.347	16.978.369.758
- Các khoản điều chỉnh khác (*)	07	5.047.180.366	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	109.157.363.482	105.379.632.996
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	63.009.447.285	724.309.594
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.543.697.715)	(14.626.651.647)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(14.355.565.603)	(6.984.865.902)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.563.869.600	3.767.740.783
- Tiền lãi vay đã trả	14	(9.976.617.004)	(17.518.613.974)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(25.890.867.378)	(11.889.839.482)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	165.050.000	16.100.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(9.379.880.500)	(2.875.380.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	111.749.102.167	55.992.432.368
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.849.635.513)	(1.457.236.364)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	180.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	152.251.087	150.323.007
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.517.384.426)	(1.306.913.357)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	296.743.393.632	293.043.878.698
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(353.325.017.632)	(350.996.477.698)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(42.775.784.793)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(99.357.408.793)	(57.952.599.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	5.874.308.948	(3.267.079.989)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.855.874.039	5.123.228.206
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61	-	(274.178)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	7.730.182.987	1.855.874.039

(\*) Các khoản điều chỉnh khác là khoản chi phí dự phòng nợ phải trả về tiền phạt chậm nộp thuế TTĐB giai đoạn 2011-2012 do chưa có quyết định cuối cùng của Thủ tướng Chính phủ số tiền 5.047.180.366 đồng (Thuyết minh số 35).

Người lập



Trần Thị Thanh Phúc

Kế toán trưởng



Vũ Tuấn Anh



Đã lập ngày 10 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc

Huỳnh Văn Dũng

## **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung được thành lập trên cơ sở hợp nhất Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quy Nhơn, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Yên và Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Daklak theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hợp nhất ngày 20/09/2008, được kế thừa mọi quyền lợi và nghĩa vụ của các công ty hợp nhất và chính thức hoạt động từ ngày 01/10/2008. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000233 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 26/09/2008 và đăng ký thay đổi lần 7 theo số đăng ký kinh doanh 4100739909 ngày 25/08/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp. Theo đó, Công ty chuyển trụ sở chính từ thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định về tỉnh Đắk Lắk.

Vốn điều lệ của Công ty là 298.466.480.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SMB.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 01 Nguyễn Văn Linh, phường Tân An, thành phố Buôn Mê Thuật, tỉnh Đắk Lắk.

Tổng số nhân viên của Trụ sở chính tại ngày 31/12/2015 là 172 người (tại 31/12/2014 là 171 người).

### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Sản xuất kinh doanh các loại bia, rượu, nước giải khát;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại bia, rượu, cồn, nước giải khát, thiết bị, phụ tùng nguyên vật liệu của ngành công nghiệp thực phẩm;
- Tư vấn đào tạo, chế tạo máy móc thiết bị và xây lắp công trình của ngành công nghiệp thực phẩm;
- Đầu tư xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư, kinh doanh bất động sản, nhà ở, kho bãi và văn phòng cho thuê;
- Khai thác chế biến và kinh doanh khoáng sản, nông thổ sản, xăng dầu;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn và dịch vụ du lịch; và
- Các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### **Cấu trúc Công ty**

Tại thời điểm 31/12/2015, tổ chức của Công ty bao gồm Văn phòng chính tại Đắk Lắk ("Trụ sở chính") và 02 Chi nhánh bao gồm:

- Chi nhánh Phú Yên tại thành phố Tuy Hòa tỉnh Phú Yên;
- Chi nhánh Quy Nhơn tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

### **Áp dụng Chế độ kế toán mới**

Kể từ ngày 01/01/2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định

về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 và số so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm được phân loại lại từ số liệu tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 nhằm đảm bảo có thể so sánh và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

## **2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Trụ sở chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đồng Việt Nam (VND)

## **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Chi nhánh áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Do Báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính riêng của Trụ sở chính Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung nên người sử dụng báo cáo tài chính này cần đọc cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và những thay đổi về tình hình tài chính của toàn Công ty.

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### **Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Trụ sở chính bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Trụ sở chính bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Trụ sở chính. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Trụ sở chính ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung theo giá gốc. Trụ sở chính hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Trụ sở chính nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

#### **Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

### **Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Trụ sở chính. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu giữa Công ty và các đơn vị khác không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Trụ sở chính căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Trụ sở chính được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	08 - 20

### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất có thời hạn là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng tại trụ sở chính, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không phải tính khấu hao do Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 19 tháng 11 năm 1988 là vô thời hạn.

#### ***Phần mềm máy tính***

Phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Trụ sở chính đã chi ra đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

#### ***Bất động sản đầu tư***

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

#### ***Bất động sản đầu tư cho thuê***

Bất động sản đầu tư cho thuê là giá trị nhà cửa vật kiến trúc do Công ty nắm giữ tại Trụ sở chính nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Thời gian khấu hao của nhà cửa là từ 16 năm đến 25 năm.

#### ***Bất động sản đầu tư chờ tăng giá***

Bất động sản đầu tư chờ tăng giá là giá trị quyền sử dụng đất do Trụ sở chính nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá để bán trong tương lai được trình bày theo nguyên giá trừ các tổn thất do suy giảm giá trị.

#### ***Chi phí xây dựng cơ bản dở dang***

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Trụ sở chính. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm:

- Chi phí công cụ dụng cụ bao gồm chi phí vỏ chai bia, kết bia, thiết bị bia hơi, pallet đã đưa vào sử dụng. Chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 24 đến 36 tháng. Riêng chi phí vỏ chai kết mua trước năm 2012 tiếp tục được phân bổ trong thời gian là 12 năm nhất quán với chính sách phân bổ trước đó.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích của tài sản nhưng không quá 36 tháng.

### **Các khoản dự phòng phải trả**

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn ba điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- (b) Có thể xảy ra sự giảm sút về những lợi ích kinh tế dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- (c) Giá trị của nghĩa vụ nợ đó được một ước tính đáng tin cậy.

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi ra để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Trụ sở chính có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (d) Trụ sở chính đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (e) Trụ sở chính không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (f) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (g) Trụ sở chính sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (h) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng theo thông báo của ngân hàng.

### **Ngoại tệ**

Trụ sở chính áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay tại Trụ sở chính. Chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng để hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa hình thành nguyên giá của tài sản đó. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng trong thời gian quá trình đầu tư, sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu và cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào trạng thái sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Trụ sở chính có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Trụ sở chính có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.



*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Toàn bộ sản phẩm bia chai nhãn hiệu Bia Sài Gòn được bán cho Công ty TNHH Một thành viên thương mại dịch vụ Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn theo giá bán và giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt quy định trong hợp đồng. Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt của bia là 50%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Trụ sở chính hoặc chịu sự kiểm soát của Trụ sở chính, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Trụ sở chính bao gồm cả Công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Trụ sở chính mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Trụ sở chính, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức Trụ sở chính, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**5. TIỀN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	178.770.065	276.308.867
Tiền gửi ngân hàng	7.551.412.922	1.579.565.172
<b>Cộng</b>	<b><u>7.730.182.987</u></b>	<b><u>1.855.874.039</u></b>

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>24.734.669.135</b>	<b>22.282.674.230</b>
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	21.672.435.290	21.334.241.016
Các khoản phải thu khách hàng khác	3.062.233.845	948.433.214
<b>Phải thu khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>24.734.669.135</u></b>	<b><u>22.282.674.230</u></b>

Trong đó, Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn là Bên liên quan của Trụ sở chính - là Công ty con thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

MẪU SỐ B 09 - DN

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
- Tạm ứng	132.500.000	-	151.900.000	-
- Phải thu khác	229.142.560	(141.472.708)	266.404.569	(189.956.216)
<b>Cộng</b>	<b>361.642.560</b>	<b>(141.472.708)</b>	<b>418.304.569</b>	<b>(189.956.216)</b>

**8. NỢ XẤU VÀ NỢ KHÓ ĐÒI**

Đối tượng	31/12/2015		01/01/2015	
	Số ngày quá hạn	Giá trị ghi sổ VND	Số ngày quá hạn	Giá trị ghi sổ VND
Công ty TNHH MTV Thương Mại Chiến Kim Anh	Trên 3 năm	641.492.329	Trên 3 năm	641.492.329
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	313.729.557	Trên 3 năm	153.025.331
Các đối tượng khác	1 - 3 năm	7.043.200	1 - 3 năm	250.459.433
<b>Cộng</b>		<b>962.265.086</b>		<b>1.044.977.093</b>
				<b>81.316.365</b>
				<b>963.660.728</b>

Số dự phòng công nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2015 bao gồm dự phòng các khoản phải thu thương mại số tiền 818.679.418 đồng và các khoản phải thu khác số tiền 141.472.708 đồng.

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015	01/01/2015
	Giá trị VND	Giá trị VND
Hàng đang đi trên đường	46.642.507	1.199.366.750
Nguyên liệu, vật liệu	14.719.556.434	12.653.554.939
Công cụ, dụng cụ	18.843.466.102	15.090.222.955
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.741.549.395	9.362.966.059
Thành phẩm	5.472.581.174	8.359.498.656
Hàng hoá	11.077.440	3.170.160
Hàng gửi bán	5.307.449	-
<b>Cộng</b>	<b>48.840.180.501</b>	<b>46.668.779.519</b>

Trụ sở chính không có hàng kém, mất phẩm chất, chậm luân chuyển hoặc bị giảm giá nên Ban Giám đốc Trụ sở chính không thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 31/12/2015.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>556.084.959</b>	<b>1.067.096.949</b>
- Chi phí bảo hiểm tài sản	266.027.077	235.525.388
- Chi phí CCDC	54.297.939	52.548.992
- Chi phí phụ tùng thay thế	113.745.807	402.038.267
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	122.014.136	376.984.302
<b>Dài hạn</b>	<b>22.025.707.864</b>	<b>23.078.565.474</b>
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	543.414.248	229.809.147
- Chi phí vỏ chai kết	17.525.651.058	18.843.199.313
- Chi phí CCDC	2.180.405.399	2.253.409.379
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.776.237.159	1.752.147.635
<b>Cộng</b>	<b>22.581.792.823</b>	<b>24.145.662.423</b>

11. VỐN KINH DOANH CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung tại Phú Yên	70.128.994.797	70.128.994.797
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung tại Quy Nhơn	95.333.735.568	95.333.735.568
<b>Cộng</b>	<b>165.462.730.365</b>	<b>165.462.730.365</b>

12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	22%	22%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	4.087.117.203	1.275.694.915
<b>Cộng</b>	<b>4.087.117.203</b>	<b>1.275.694.915</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

MẪU SỐ B 09 - DN

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị văn phòng		TSCĐ khác		Tổng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>												
Tại ngày 01/01/2015	115.295.647.417	533.770.173.340	6.116.474.430	154.978.162	733.632.648	656.070.905.997						
Mua trong năm	-	2.085.959.000	1.664.548.546	-	-	3.750.507.546						
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.089.450.000	466.218.863	-	-	-	1.555.668.863						
Điều chuyển nội bộ	-	(227.446.023)	-	-	-	(227.446.023)						
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(307.036.145)	-	-	(307.036.145)						
Giảm khác	(5.121.045)	(4.878.696)	-	-	-	(9.999.741)						
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>116.379.976.372</b>	<b>536.090.026.484</b>	<b>7.473.986.831</b>	<b>154.978.162</b>	<b>733.632.648</b>	<b>660.832.600.497</b>						
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>												
Tại ngày 01/01/2015	35.487.303.402	260.486.268.063	3.393.507.307	78.233.997	395.409.227	299.840.721.996						
Khấu hao trong năm	5.679.108.171	44.261.948.801	639.300.826	27.906.972	76.929.072	50.685.193.842						
Điều chuyển nội bộ	-	(145.704.751)	-	-	-	(145.704.751)						
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(149.277.220)	-	-	(149.277.220)						
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>41.166.411.573</b>	<b>304.602.512.113</b>	<b>3.883.530.913</b>	<b>106.140.969</b>	<b>472.338.299</b>	<b>350.230.933.867</b>						
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>												
Tại ngày 01/01/2015	79.808.344.015	273.283.905.277	2.722.967.123	76.744.165	338.223.421	356.230.184.001						
Tại ngày 31/12/2015	75.213.564.799	231.487.514.371	3.590.455.918	48.837.193	261.294.349	310.601.666.630						

Một phần Tài sản cố định là các tài sản hình thành từ dự án đầu tư của Trụ sở chính đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngân hàng ngắn hạn và dài hạn của Trụ sở chính (Thuyết minh số 16).

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình hết khấu hao vẫn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 2.630.292.104 đồng (tại ngày 31/12/2014 là 2.380.292.103 đồng).

**14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	500.000.000	614.838.954	1.114.838.954
Tại ngày 31/12/2015	500.000.000	614.838.954	1.114.838.954
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	-	311.238.953	311.238.953
Khấu hao trong năm	-	101.199.996	101.199.996
Tại ngày 31/12/2015	-	412.438.949	412.438.949
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2015	500.000.000	303.600.001	803.600.001
Tại ngày 31/12/2015	500.000.000	202.400.005	702.400.005

**15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

KHOẢN MỤC	01/01/2015	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
<b>Bất động sản đầu tư cho thuê</b>				
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
- Nhà	1.887.650.551	-	-	1.887.650.551
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
- Nhà	568.719.392	84.254.724	-	652.974.116
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
- Nhà	1.318.931.159	(84.254.724)	-	1.234.676.435
<b>Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá</b>				
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
- Quyền sử dụng đất	2.407.661.000	-	-	2.407.661.000
<b>TỶN THẤT DO SUY GIẢM GIÁ TRỊ</b>				
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
- Quyền sử dụng đất	2.407.661.000	-	-	2.407.661.000

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng đất được xác định bởi Biên bản định giá lại tài sản thế chấp ngày 12/9/2011 và văn bản thỏa thuận xử lý tài sản thế chấp số 38/2012/VBTT ngày 02/02/2012 giữa Công ty và một khách hàng. Lô đất tại địa chỉ khối 4 huyện Eakar, tỉnh Đắk Lắk. Trụ sở chính dự định nắm giữ quyền sử dụng đất này để bán trong tương lai.

Nhà cửa thể hiện giá trị của khu nhà văn phòng tại trụ sở chính mà Trụ sở chính đang cho một bên khác thuê hàng năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09 - DN

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn	13.037.369.266	13.037.369.266	23.644.879.827	23.644.879.827
Công ty TNHH MTV TM&VT Thái Tân	1.531.537.629	1.531.537.629	607.469.632	607.469.632
Phải trả cho các đối tượng khác	4.853.216.191	4.853.216.191	8.244.808.659	8.244.808.659
<b>Cộng</b>	<b>19.422.123.086</b>	<b>19.422.123.086</b>	<b>32.497.158.118</b>	<b>32.497.158.118</b>
<b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn	-	-	23.644.879.827	23.644.879.827
Phải trả cho các đối tượng khác	796.179.234	796.179.234	7.016.605.216	7.016.605.216
<b>Cộng</b>	<b>796.179.234</b>	<b>796.179.234</b>	<b>30.661.485.043</b>	<b>30.661.485.043</b>

**Phải trả người bán bên liên quan**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn	13.037.369.266	13.037.369.266	23.644.879.827	23.644.879.827
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	1.060.251.384	1.060.251.384	-	-

*(Chữ ký)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

MÃU SỐ B 09 - DN

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2015		Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2015	
	Nợ VND	Có VND			Nợ VND	Có VND
Thuế giá trị gia tăng	-	2.290.703.825	37.440.607.125	36.603.819.993	-	3.127.490.957
Thuế giá trị gia tăng nhập khẩu	51.156.242	-	507.267.079	463.714.170	7.603.333	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	19.154.802.655	213.984.281.400	211.371.970.673	-	21.767.113.382
Thuế Xuất nhập khẩu	-	-	247.539.227	247.539.227	-	-
Thuế TNDN hiện hành	-	8.062.176.377	25.735.133.542	25.890.867.378	-	7.906.442.541
Thuế TNCN	-	125.947.119	1.529.775.594	1.407.482.981	-	248.239.732
Tiền thuế đất, thuế nhà đất	-	9.147.692	2.842.019.183	2.842.019.183	-	9.147.692
Thuế khác	-	-	129.132.278	129.132.278	-	-
<b>Cộng</b>	<b>51.156.242</b>	<b>29.642.777.668</b>	<b>282.415.755.428</b>	<b>278.956.545.883</b>	<b>7.603.333</b>	<b>33.058.434.304</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09 - DN**

**18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
		trả nợ				trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	62.798.624.000	62.798.624.000	349.506.017.632	353.325.017.632	66.617.624.000	66.617.624.000
Vay ngắn hạn	10.036.000.000	10.036.000.000	296.743.393.632	300.562.393.632	13.855.000.000	13.855.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Dak Lak (1)	-	-	71.361.770.179	71.361.770.179	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Dak Lak (2)	-	-	120.333.676.199	120.333.676.199	-	-
Vay CBCNV	10.036.000.000	10.036.000.000	-	3.819.000.000	13.855.000.000	13.855.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-	31.368.538.665	31.368.538.665	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	-	-	58.679.408.589	58.679.408.589	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc Tế - Chi nhánh Đắk Lắk	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	52.762.624.000	52.762.624.000	52.762.624.000	52.762.624.000	52.762.624.000	52.762.624.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Dak Lak	52.762.624.000	52.762.624.000	52.762.624.000	52.762.624.000	52.762.624.000	52.762.624.000
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	39.720.256.200	39.720.256.200	-	52.762.624.000	92.482.880.200	92.482.880.200
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Dak Lak (3)	39.720.256.200	39.720.256.200	-	52.762.624.000	92.482.880.200	92.482.880.200
<b>Cộng</b>	<b>102.518.880.200</b>	<b>102.518.880.200</b>	<b>349.506.017.632</b>	<b>406.087.641.632</b>	<b>159.100.504.200</b>	<b>159.100.504.200</b>



Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- (1) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 010615/NTT/HDDTD1 ngày 01/6/2015 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk. Hạn mức cho vay tối đa là 40 tỷ đồng. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay theo công bố của ngân hàng tại từng thời điểm nhận nợ. Thời hạn của hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 01/6/2015 đến 01/6/2016. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (2) Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 28.15.340.1547289.TD ngày 06/5/2015 với Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đắk Lắk. Hạn mức tín dụng là 120 tỷ đồng. Số dư nghĩa vụ không có tài sản đảm bảo là 60 tỷ đồng. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay theo công bố của ngân hàng tại từng thời điểm nhận nợ.
- (3) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đắk Lắk theo các hợp đồng sau:
  - Hợp đồng số DL.DN.01040509 ngày 04/05/2009. Số tiền vay tối đa là 366,3 tỷ đồng. Mục đích vay nhằm đầu tư dự án sản xuất bia chai giai đoạn 2 (70 triệu lít). Thời hạn vay 96 tháng. Lãi suất vay thay đổi 6 tháng/ lần, theo công bố của ngân hàng tại từng thời điểm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án đầu tư.
  - Hợp đồng số DL.DN.05230909 ngày 24/09/2009. Số tiền vay là 50 tỷ đồng. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn kinh doanh trả góp sản xuất các loại bia, rượu, nước giải khát. Thời hạn vay 92 tháng. Lãi suất vay thay đổi 3 tháng/ lần, theo công bố của ngân hàng tại từng thời điểm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án đầu tư.

Các khoản vay được hoàn trả theo lịch biểu sau

	Trong vòng 1 năm	Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	Trên 5 năm
	VND	VND	VND
Vay CBCNV	10.036.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Dak Lak	52.762.624.000	39.720.256.200	-
<b>Cộng</b>	<b>62.798.624.000</b>	<b>39.720.256.200</b>	<b>-</b>

## 19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.064.529.178</b>	<b>4.093.910.905</b>
Lãi vay	768.573.256	218.966.360
Lãi chậm trả tiền mua hàng	1.886.019.240	1.478.572.119
Chi phí phải trả khác	409.936.682	2.396.372.426
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>3.064.529.178</b>	<b>4.093.910.905</b>

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	2.531.170	16.295.361
- Kinh phí công đoàn	77.761.667	65.836.147
- Bảo hiểm xã hội	18.675.091	18.656.293
- Bảo hiểm y tế	20.047.427	20.041.674
- Bảo hiểm thất nghiệp	3.907.894	3.885.284
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	593.100.000	206.500.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.923.509.120	3.869.668.213
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.071.054.643	922.143.738
<b>Cộng</b>	<b>6.710.587.012</b>	<b>5.123.026.710</b>

21. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Số dư đầu năm	1.165.216.659	(327.264.708)
Trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	17.939.113.628	8.662.202.763
Tăng khác	165.050.000	16.100.000
Giảm khác	(529.633.493)	-
Chi trả trong năm	(8.271.672.000)	(2.875.380.000)
Chuyển từ chi nhánh khác	-	414.530.000
Chuyển sang chi nhánh khác	(10.339.928.008)	(4.724.971.396)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>128.146.786</b>	<b>1.165.216.659</b>

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.620.008.750	1.732.242.625
Dự phòng thuế tiêu thụ đặc biệt giai đoạn 2011-2012 (*)	5.047.180.366	-
<b>Cộng</b>	<b>6.667.189.116</b>	<b>1.732.242.625</b>

(\*) Dự phòng nợ phải trả về tiền phạt chậm nộp thuế TTĐB giai đoạn 2011-2012 do chưa có quyết định cuối cùng của Thủ tướng Chính phủ (Thuyết minh số 35).

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

MẪU SỐ B 09 - DN

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	LNST chưa phân phối và các quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Cộng
	VND	VND	VND	VND	
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	<b>133.003.749.635</b>	<b>65.512.199</b>	<b>4.315.723.395</b>	<b>22.989.946.123</b>	<b>160.374.931.352</b>
Tăng vốn trong năm	165.462.730.365	-	-	-	165.462.730.365
Lãi trong năm	-	-	65.703.423.153	-	65.703.423.153
Giảm khác	-	(65.512.199)	-	-	(65.512.199)
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>	<b>298.466.480.000</b>	<b>-</b>	<b>70.019.146.548</b>	<b>22.989.946.123</b>	<b>391.475.572.671</b>
Lãi trong năm	-	-	79.762.174.606	-	79.762.174.606
Trích lập các quỹ đầu tư	-	-	(6.570.342.316)	6.570.342.316	-
Trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(17.939.113.628)	-	(17.939.113.628)
Chia cổ tức	-	-	(44.769.972.000)	-	(44.769.972.000)
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>298.466.480.000</b>	<b>-</b>	<b>80.501.893.210</b>	<b>29.560.288.439</b>	<b>408.528.661.649</b>

Công ty phân phối lợi nhuận năm 2014 theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2015/NQ-ĐHCD ngày 19/4/2015.

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2015	01/01/2015	Tỷ lệ sở hữu
	VND	VND	
Vốn góp của Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn	96.173.630.000	96.173.630.000	31%
Vốn góp của các đối tượng khác	202.292.850.000	202.292.850.000	69%
<b>Cộng</b>	<b>298.466.480.000</b>	<b>298.466.480.000</b>	<b>100%</b>

**Cổ phiếu**

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	29.846.648	29.846.648
- Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	29.846.648
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.846.648	29.846.648
- Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	29.846.648
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

**24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
<b>Tài sản nhận giữ hộ</b>				
- Bia Sài Gòn 450 (SL Keg)	97.107	7.448.106.900	2.471	189.525.700
- Bia Sài Gòn 355 (SL Keg)	6.033	467.678.160	5.555	430.623.600
- Bia Sài Gòn 355 Lager (SL Keg)	13.331	879.046.140	969	63.895.860
- Tài sản khác	722	17.689.000		
<b>Cộng</b>		<b>8.812.520.200</b>		<b>684.045.160</b>

	31/12/2015	01/01/2015
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
USD	1.010,53	2.009,75
EURO	6,33	6,83

**25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	348.967.059.796	349.674.316.606
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.335.652.399	-
Doanh thu kinh doanh bất động sản	499.981.817	692.890.908
<b>Cộng</b>	<b>350.802.694.012</b>	<b>350.367.207.514</b>

**Doanh thu với các bên liên quan**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	336.449.254.285	344.772.377.720
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn - Tây Nguyên	306.850.908	642.850.908
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Chi nhánh Quy Nhơn	6.701.298.036	-

**Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	428.614.328	218.361.296
<b>Cộng</b>	<b>428.614.328</b>	<b>218.361.296</b>

**26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	-	43.449.840
Giá vốn của thành phẩm đã bán	267.390.055.795	271.755.294.191
Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	84.254.724	84.254.724
<b>Cộng</b>	<b>267.474.310.519</b>	<b>271.882.998.755</b>

**27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	44.906.487	33.492.285
Cổ tức, lợi nhuận được chia	107.344.600	117.103.200
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.422.253	2.580.550
<b>Cộng</b>	<b>154.673.340</b>	<b>153.176.035</b>

**28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	10.435.554.226	16.978.369.758
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	407.447.121	411.953.087
Lỗ chênh lệch tỷ giá	52.245	79.553.526
Chi phí tài chính khác	1.370.000	-
<b>Cộng</b>	<b>10.844.423.592</b>	<b>17.469.876.371</b>

## 29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
<b>a) Chi phí bán hàng</b>	<b>7.282.399.561</b>	<b>6.632.997.260</b>
Chi phí lương nhân viên	1.348.814.128	1.567.879.539
Chi phí công cụ, dụng cụ	370.259.393	481.040.440
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.219.938	35.696.316
Chi phí thương hiệu Tổng công ty	-	2.052.650.065
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.249.015.237	470.576.131
Chi phí khác bằng tiền	3.294.090.865	2.025.154.769
<b>b) Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>23.198.529.299</b>	<b>19.004.947.020</b>
Chi phí lương nhân viên	7.910.965.250	7.130.219.200
Chi phí công cụ, dụng cụ	395.973.551	356.881.272
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.792.022.721	1.690.653.114
Chi phí thuê đất, thuế đất	2.856.843.645	870.500.277
Chi phí dự phòng	3.004.773	1.840.140.550
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.497.229.010	1.146.052.309
Chi phí khác bằng tiền	8.742.490.349	5.970.500.298
<b>c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>30.480.928.860</b>	<b>25.637.944.280</b>

## 30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	177.655.605.879	198.592.348.658
Chi phí nhân công	21.958.470.151	20.182.018.303
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.948.032.059	50.724.382.561
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.000.114.880	21.069.402.215
Chi phí khác bằng tiền	19.026.993.665	16.547.912.873
<b>Cộng</b>	<b>294.589.216.634</b>	<b>307.116.064.610</b>

## 31. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22.241.075	-
Tiền phạt thu được	3.955.096	4.332.900
Thu từ bán bã hèm	4.487.513.885	3.981.772.552
Bán vật tư, phế liệu	1.425.348.739	440.780.144
Các khoản khác	646.385.056	4.206.876.811
<b>Cộng</b>	<b>6.585.443.851</b>	<b>8.633.762.407</b>

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**32. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí dự phòng thuế tiêu thụ đặc biệt giai đoạn 2011-2012 (*)	5.047.180.366	-
Các khoản bị phạt	17.926.878	-
Bán vật tư, phế liệu	353.341.766	1.316.123.975
Các khoản khác	328.064.298	4.907.523.698
<b>Cộng</b>	<b>5.746.513.308</b>	<b>6.223.647.673</b>

(\*) Chi phí dự phòng nợ phải trả về tiền phạt chậm nộp thuế TTĐB giai đoạn 2011-2012 do chưa có quyết định cuối cùng của Thủ tướng Chính phủ số tiền 5.047.180.366 đồng (Thuyết minh số 35).

**33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trụ sở chính có các bên liên quan sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn	Cổ đông chiếm 31% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần In thương mại Phú Yên	Công ty liên kết
Công ty TNHH Bao bì SanMiguel Phú Thọ	Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu NGK Sài Gòn
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu NGK Sài Gòn
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Chi nhánh Quy Nhơn	Chi nhánh
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Chi nhánh Phú Yên	Chi nhánh

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong kỳ Trụ sở chính có giao dịch với các bên liên quan sau:

**Mua hàng**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn	113.744.233.573	138.677.799.160
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Chi nhánh Quy Nhơn	967.228.206	324.525.000
Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí SABECO	38.000.000	43.830.352

**Phí sử dụng vỏ chai**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	1.827.864.895	914.694.550

**Lãi phạt chậm thanh toán**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn	407.447.121	411.953.087

**Phí sử dụng thương hiệu**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn	-	2.052.650.065

**Các khoản chi cho nhân sự chủ chốt**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lương và các quyền lợi gộp khác (Ban giám đốc)	2.721.837.346	2.110.483.183

**Hoạt động tài chính**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Cổ tức đã nhận của Công ty Cổ phần In thương mại Phú Yên	107.344.600	117.103.200
Cổ tức đã trả cho Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn	14.426.044.500	9.617.363.000
Cổ tức đã trả cho cổ đông khác	28.349.740.293	21.461.620.713

**34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Trụ sở chính cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động này.

**35. THÔNG TIN KHÁC**

Theo Công văn số 2326/UBND-TH ngày 26 tháng 07 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Định về việc đề nghị gia hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung, từ tháng 06 năm 2011 đến tháng 12 năm 2012, hàng tháng Công ty thực hiện kê khai thuế tiêu thụ đặc biệt 100% và thực nộp 50% cho ngân sách, 50% số thuế còn lại được nộp đầy đủ vào ngày 25 tháng 12 của từng năm tài chính.

Theo Công văn số 3973/VPCP-KTTH của Văn phòng chính phủ ngày 02/6/2014, Văn phòng chính phủ yêu cầu Bộ Tài chính kiểm tra, đánh giá cụ thể việc Công ty thực hiện nộp thuế TTĐB theo văn bản số 2326/UBND-TH ngày 26/7/2011 của UBND tỉnh Bình Định để xác định nguyên nhân và trách nhiệm của tổ chức, đơn vị liên quan và xử lý theo quy định của pháp luật trước khi xem xét giải quyết miễn phạt chậm nộp thuế TTĐB đối với Công ty.



Theo Công văn số 17243/BTC-TCT ngày 26/11/2014 của Bộ Tài chính gửi Thủ tướng Chính phủ: sau khi xem xét tình hình thực tế và căn cứ điều 111 Luật quản lý thuế, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét xử lý miễn phạt chậm nộp thuế TTĐB cho Công ty trong năm 2011 và năm 2012 với số tiền là 13.462.481.467 đồng.

Theo Công văn số 5198/BTC-TCT ngày 20/4/2015 của Bộ tài chính gửi UBND tỉnh Bình Định và Công văn số 1887/UBND-TH ngày 05/5/2015 của UBND tỉnh Bình Định gửi Cục thuế tỉnh Bình Định và Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung: đề nghị phối hợp báo cáo một số nội dung bổ sung làm căn cứ xem xét miễn phạt chậm nộp. Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung, Cục thuế tỉnh Bình Định, UBND tỉnh Bình Định đã gửi công văn giải trình theo yêu cầu của Bộ tài chính.

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Trụ sở chính chưa nhận được Quyết định của Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho Trụ sở chính được miễn phạt chậm nộp thuế TTĐB năm 2011 và 2012 với số tiền 5.047.180.366 đồng. Áp dụng nguyên tắc thận trọng của kế toán trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính năm 2015, Trụ sở chính đã trích lập dự phòng nợ phải trả liên quan đến khoản tiền phạt chậm nộp thuế TTĐB nói trên với mức trích lập là 100% trên cơ sở xem xét thận trọng tình hình tài chính và việc thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 của Công ty thông qua. Việc Trụ sở chính có phải nộp khoản tiền phạt chậm nộp thuế TTĐB năm 2011 và 2012 nêu trên hay không phụ thuộc vào quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

### 36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 01, kể từ ngày 01/01/2015, Trụ sở chính đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 và số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm được phân loại lại từ số liệu tại ngày 31/12/2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm nhằm đảm bảo có thể so sánh và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### Một số chỉ tiêu thay đổi theo Thông tư 200

Bảng cân đối kế toán	Mã số	31/12/2014	01/01/2015	Ảnh hưởng
		VND	VND	VND
<b>Tài sản</b>				
Phải thu ngắn hạn khác	136	266.404.569	418.304.569	151.900.000
Tài sản ngắn hạn khác	155	151.900.000	-	(151.900.000)
<b>Cộng</b>		<b>418.304.569</b>	<b>418.304.569</b>	<b>-</b>
<b>Nguồn vốn</b>				
Quỹ đầu tư phát triển	417	12.743.175.620	-	12.743.175.620
Quỹ dự phòng tài chính	418	10.246.770.503	-	10.246.770.503
Quỹ đầu tư phát triển	418	-	22.989.946.123	(22.989.946.123)
<b>Cộng</b>		<b>22.989.946.123</b>	<b>22.989.946.123</b>	<b>-</b>

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Báo cáo kết quả kinh doanh		Năm 2014	Năm 2014	Ảnh hưởng
		VND	trình bày lại VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	567.281.122.940	350.367.207.514	(216.913.915.426)
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	216.884.449.603	218.361.296	(216.666.088.307)
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	350.396.673.337	350.148.846.218	(247.827.119)
Giá vốn hàng bán	11	271.936.845.106	271.882.998.755	(53.846.351)
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	78.459.828.231	78.265.847.463	(193.980.768)
Chi phí bán hàng	25	6.831.356.073	6.632.997.260	(198.358.813)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19.000.568.975	19.004.947.020	4.378.045
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	35.311.202.847	35.311.202.847	-

Đã lập, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Người lập



Trần Thị Thanh Phúc

Kế toán trưởng



Vũ Tuấn Anh



Tổng Giám đốc



Huỳnh Văn Dũng